

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

**1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11-6-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thái Công Sét

2. Ông Nguyễn Văn Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 392/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03-12-2018 tranh chấp Hôn nhân và gia đình về “ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1977. Cư trú số 106, tổ 02, ấp Phú Đ A, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1977. Cư trú: tổ 02, ấp Phú Đ A, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang.

(Anh H có mặt, chị P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14-8-2018, bản tự khai ngày 24-01-2019 và lời khai tại phiên tòa thì anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên anh chị được mai mối với nhau và được cha, mẹ hai bên đồng ý tiến tới hôn nhân vào năm 1994, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang vào ngày 21-5-2009. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2014 ân phát sinh mâu thuẫn với nhau. Lý do bất đồng quan điểm sống hằng ngày, cự cãi nhau về việc làm ăn thua lỗ của kinh tế gia đình, tham gia cờ bạc, ăn chơi không nghe lời khuyên của anh. Hiện chị P tự bỏ nhà

ra đi thời gian dài từ tháng 6-2017 ai cho đến nay không về nhà và bỏ các con lại cho anh nuôi dưỡng cho đến nay và từ đó tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị P.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống với nhau có 03 người con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 15-10-1995; Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 22-02-2000 và Nguyễn Hoài A, sinh ngày 11-11-2008 hiện đang chung sống với anh. Anh yêu cầu được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung đến thành niên hoặc tự lập được; không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về quan hệ tài sản chung; nợ phải thu và phải trả: Không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị P vắng mặt từ khi tòa án thụ lý đến khi xét xử, nên không có lời trình bày.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn chị Nguyễn Thị P vắng mặt, không chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung: Hôn nhân của anh H và chị P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ly thân, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của anh H về xin ly hôn là có căn cứ pháp luật. Về con chung hiện đang chung sống với anh H cần ổn định đời sống cho các cháu nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và đề nghị đại diện VKSND, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về hình thức, thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Anh Nguyễn Văn H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1977. Cư trú: tổ 02, ấp Phú Đ A, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

1.3 Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị P được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị không có mặt, nên HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị P.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị P có đăng ký kết hôn (theo giấy chứng nhận kết hôn số 47/2009, ngày 21-5-2009 do UBND xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang) đây là hôn nhân được pháp luật bảo vệ và giải quyết khi có mâu thuẫn xảy ra. Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thể hiện, hôn nhân của anh chị được xác lập từ năm 1994 trên cơ sở mai mối và tự nguyện chung sống với nhau, thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cự cãi về đời sống hằng ngày; bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt gia đình và thời gian dài không chung sống với nhau nên anh chị đã chính thức ly thân từ tháng 6-2017 ã cho đến nay; thời gian ly thân anh chị không tạo điều kiện để hàn gắn, từ đó tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được phù hợp với lời khai của anh Nguyễn Văn T (anh ruột chị P). Đồng thời từ khi ly thân cho đến nay, cũng như từ khi Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn của anh H phía chị P cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm; không còn quan tâm về hôn nhân này nên anh H yêu cầu ly hôn là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

2.2 Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Văn H xác định thời gian chung sống với chị P có 03 người con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 15-10-1995; Nguyễn Thị Yên N, sinh ngày 22-02-2000 và Nguyễn Hoài A, sinh ngày 11-11-2008 hiện đang chung sống với anh. Từ khi ly thân cho đến nay các cháu chung sống với anh H được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc ổn định và ăn học đầy đủ như bao đứa trẻ khác. Từ đó, xét thấy hoàn cảnh và điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chưa thành niên và con đã trưởng thành của anh H và phù hợp với nguyện vọng của các cháu, cần giữ ổn định cuộc sống cho các cháu nên HĐXX chấp nhận giao cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng 03 người con chung đến thành niên hoặc tự lập được theo quy định Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đáng lẽ chị P phải cấp dưỡng nuôi con theo luật định nhưng anh H tự nguyện không yêu cầu, do đó chị P chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về quan hệ tài sản chung và nợ phải thu phải trả: anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3]. Về án phí DSST: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 3; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H đối với chị Nguyễn Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

2. Về quan hệ con chung:

2.1 Giao 03 người con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 15-10-1995; Nguyễn Thị Yên N, sinh ngày 22-02-2000 và Nguyễn Hoài A, sinh ngày 11-11-2008 cho anh Nguyễn Văn H tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc đến thành niên hoặc tự lập được; anh Nguyễn Văn H tự nguyện không yêu cầu chị Nguyễn Thị P cấp dưỡng nuôi con.

2.2 Anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở mà phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi chị Nguyễn Thị P đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

2.3 Vì lợi ích của con chung khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí DSST:

3.1 Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007188 ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

3.2 Chị Nguyễn Thị P không phải chịu án phí.

Anh Nguyễn Văn H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Nguyễn Thị P được quyền kháng cáo kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện PT;
- Chi cục THADS huyện PT;
- UBND xã PT; huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thành Thuận